

THỜI KHÓA BIỂU TUẦN 4, NĂM HỌC 2025-2026, ÁP DỤNG TỪ NGÀY 29/9/2025 (BUỔI SÁNG)

| Thứ   | Tiết | 10A1      | 10A2      | 10A3      | 10A4      | 11C1      | 11C2      | 11C3      | 11C4      | 11C5      | 12B1      | 12B2      | 12B3      | 12B4      | 12B5      |
|-------|------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Thứ 2 | 1    | Ngoại ngữ | HĐTN      | Lịch sử   | Vật lý    |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|       | 2    | Lịch sử   | Sinh học  | GDKTPL    | Ngoại ngữ |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|       | 3    | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      | SHDC      |
|       | 4    |           |           |           |           | GDĐP      | Sinh học  | Ngoại ngữ | GDKTPL    | Lịch sử   | Hóa học   | Ngoại ngữ | Ngoại ngữ | Vật lý    | Ngữ văn   |
|       | 5    |           |           |           |           | Sinh học  | Ngoại ngữ | GDKTPL    | Ngoại ngữ | GDĐP      | HĐTN      | Hóa học   | Lịch sử   | Ngoại ngữ | Ngữ văn   |
| Thứ 3 | 1    |           | GDQP      |           | Địa lí    | Ngữ văn   | Tin học   | Ngoại ngữ | Toán      | GDKTPL    | Ngoại ngữ | Ngữ văn   | Công nghệ | Ngữ văn   | Lịch sử   |
|       | 2    |           | Thế dục   | GDQP      | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Ngoại ngữ | Địa lí    | Toán      | Vật lý    | Vật lý    | Ngữ văn   | Công nghệ | Ngữ văn   | GDKTPL    |
|       | 3    |           | Thế dục   | Thế dục   | Ngữ văn   | Tin học   | Toán      | Ngữ văn   | Lịch sử   | Ngữ văn   | Toán      | Vật lý    | GDKTPL    | Vật lý    | Ngoại ngữ |
|       | 4    |           |           | Thế dục   | Ngoại ngữ | Vật lý    | Toán      | Ngữ văn   | HĐTN      | Ngữ văn   | Toán      | Sinh học  | Ngoại ngữ | Địa lí    | Ngoại ngữ |
|       | 5    |           |           |           | (Phòng 6) |           |           |           |           |           | Ngữ văn   | HĐTN      | Vật lý    | Ngoại ngữ | Địa lí    |
| Thứ 4 | 1    | Ngoại ngữ |           |           |           | Vật lý    | Sinh học  | Toán      | Vật lý    | Ngữ văn   | Lịch sử   | Ngoại ngữ | Ngữ văn   | Toán      | HĐTN      |
|       | 2    | Toán      |           |           |           | Ngoại ngữ | Ngoại ngữ | Toán      | GDĐP      | Ngữ văn   | Sinh học  | Lịch sử   | Ngữ văn   | Toán      | Công nghệ |
|       | 3    | Toán      |           |           |           | HĐTN      | Lịch sử   | Vật lý    | Ngoại ngữ | Vật lý    | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Ngoại ngữ | Lịch sử   | Toán      |
|       | 4    | Sinh học  |           |           |           | Lịch sử   | GDĐP      | Ngoại ngữ | Ngoại ngữ | Công nghệ | Ngữ văn   | Toán      | Vật lý    | Ngoại ngữ | Toán      |
|       | 5    | (Phòng 6) |           |           |           |           |           |           |           |           | Vật lý    | Toán      | Lịch sử   | HĐTN      | Ngoại ngữ |
| Thứ 5 | 1    |           | Ngữ văn   |           |           | Ngữ văn   | Vật lý    | Toán      | Ngữ văn   | Địa lí    | Ngoại ngữ | GDĐP      | GDĐP      | GDKTPL    | Ngữ văn   |
|       | 2    |           | Ngữ văn   |           |           | Ngữ văn   | Hóa học   | Toán      | Ngữ văn   | GDKTPL    | GDĐP      | Vật lý    | Địa lí    | GDĐP      | Ngữ văn   |
|       | 3    |           | GDĐP      |           |           | Vật lý    | Ngữ văn   | Địa lí    | GDKTPL    | Ngoại ngữ | Toán      | Toán      | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Lịch sử   |
|       | 4    |           | Hóa học   |           |           | Toán      | HĐTN      | Hóa học   | Công nghệ | Ngoại ngữ | Toán      | Toán      | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Vật lý    |
|       | 5    |           | (Phòng 6) |           |           | Hóa học   | Toán      | Lịch sử   | Địa lí    | HĐTN      |           |           |           |           |           |
| Thứ 6 | 1    |           |           | HĐTN      |           | Sinh học  | Ngữ văn   | Hóa học   | Lịch sử   | Toán      | Tin học   | Vật lý    | HĐTN      | Địa lí    | Toán      |
|       | 2    | Thế dục   |           | Lịch sử   | GDQP      | Hóa học   | Tin học   | HĐTN      | Vật lý    | Toán      | Sinh học  | Hóa học   | Địa lí    | Lịch sử   | Toán      |
|       | 3    | Thế dục   |           | GDĐP      | Thế dục   | Toán      | Sinh học  | Lịch sử   | Ngữ văn   | Địa lí    | Hóa học   | Tin học   | Toán      | Công nghệ | Công nghệ |
|       | 4    | GDQP      |           | Địa lí    | Thế dục   | Toán      | Hóa học   | GDĐP      | Ngữ văn   | Lịch sử   | Sinh học  | Sinh học  | Toán      | Công nghệ | GDĐP      |
|       | 5    |           |           | (Phòng 6) |           | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt |
| Thứ 7 | 1    |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|       | 2    |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|       | 3    |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|       | 4    |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |
|       | 5    |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |           |

Quảng Phú, ngày 27 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

THỜI KHÓA BIỂU TUẦN 4, NĂM HỌC 2025-2026, ÁP DỤNG TỪ NGÀY 29/9/2025 (BUỔI CHIỀU)

| Thứ   | Tiết | 10A1      | 10A2      | 10A3      | 10A4      | 11C1      | 11C2      | 11C3      | 11C4       | 11C5       | 12B1      | 12B2      | 12B3      | 12B4       | 12B5       |
|-------|------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|------------|-----------|-----------|-----------|------------|------------|
| Thứ 2 | 1    | Tin học   | Ngoại ngữ | Toán      | HĐTN      |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
|       | 2    | Ngoại ngữ | Toán      | Tin học   | GDKTPL    |           |           |           |            | Thế dục    |           |           |           |            | GDQP       |
|       | 3    | Toán      | Sinh học  | Ngoại ngữ | Tin học   |           | GDQP      |           |            | Thế dục    |           |           |           |            | Thế dục    |
|       | 4    | Sinh học  | GDKTPL    | Ngoại ngữ | Toán      |           | Thế dục   |           |            | GDQP       |           |           |           |            | Thế dục    |
|       | 5    |           | Hóa học   |           |           |           | Thế dục   |           |            |            |           |           |           |            |            |
| Thứ 3 | 1    | Ngữ văn   | GDKTPL    | Toán      | Vật lý    | Tin học   | Hóa học   | Ngữ văn   | Toán       | Công nghệ  |           |           |           |            |            |
|       | 2    | Ngữ văn   | Vật lý    | Toán      | Ngoại ngữ | Hóa học   | Vật lý    | Ngữ văn   | Toán       | Ngoại ngữ  |           | Thế dục   |           |            |            |
|       | 3    | Tin học   | Ngoại ngữ | GDKTPL    | Địa lí    | Ngoại ngữ | Ngữ văn   | Vật lý    | Công nghệ  | Toán       |           | Thế dục   | Thế dục   |            |            |
|       | 4    | Hóa học   | Ngoại ngữ | Vật lý    | Lịch sử   | Ngoại ngữ | Ngữ văn   | GDKTPL    | Địa lí     | Toán       |           | GDQP      | Thế dục   |            |            |
|       | 5    | Vật lý    | Lịch sử   | Ngoại ngữ | GDDP      | (Phòng 7) | (Phòng 8) | (Phòng 9) | (Phòng 10) | (Phòng 11) |           |           | GDQP      |            |            |
| Thứ 4 | 1    |           |           |           |           |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
|       | 2    |           |           |           |           |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
|       | 3    |           |           |           |           |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
|       | 4    |           |           |           |           |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
|       | 5    |           |           |           |           |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
| Thứ 5 | 1    | Lịch sử   | Toán      | Ngữ văn   | Tin học   |           |           |           |            |            | Ngoại ngữ | Hóa học   | Toán      | Lịch sử    | GDKTPL     |
|       | 2    | Hóa học   | Toán      | Ngữ văn   | Lịch sử   |           |           | Thế dục   |            |            | Tin học   | Ngoại ngữ | Toán      | GDKTPL     | Vật lý     |
|       | 3    | Ngữ văn   | Vật lý    | Địa lí    | Toán      |           |           | Thế dục   | GDQP       |            | Hóa học   | Tin học   | Lịch sử   | Toán       | Lịch sử    |
|       | 4    | Ngữ văn   | Hóa học   | Vật lý    | Toán      |           |           | GDQP      | Thế dục    |            | Vật lý    | Lịch sử   | GDKTPL    | Toán       | Địa lí     |
|       | 5    | Vật lý    |           | Tin học   | GDKTPL    |           |           |           | Thế dục    |            | (Phòng 8) | (Phòng 7) | (Phòng 9) | (Phòng 10) | (Phòng 11) |
| Thứ 6 | 1    | GDDP      | Ngữ văn   | Địa lí    | Lịch sử   |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
|       | 2    | Hóa học   | Ngữ văn   | Lịch sử   | Địa lí    |           |           |           |            |            | GDQP      |           |           | Thế dục    |            |
|       | 3    | HĐTN      | Sinh học  | Ngữ văn   | Ngữ văn   | GDQP      |           |           |            |            | Thế dục   |           |           | Thế dục    |            |
|       | 4    | Sinh học  | Lịch sử   | Ngữ văn   | Ngữ văn   | Thế dục   |           |           |            |            | Thế dục   |           |           | GDQP       |            |
|       | 5    | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Sinh hoạt | Thế dục   |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
| Thứ 7 | 1    |           |           |           |           |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
|       | 2    |           |           |           |           |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
|       | 3    |           |           |           |           |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
|       | 4    |           |           |           |           |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |
|       | 5    |           |           |           |           |           |           |           |            |            |           |           |           |            |            |

Quảng Phú, ngày 27 tháng 9 năm 2025  
HIỆU TRƯỞNG